

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 với lợi nhuận trước thuế đạt 10,7 nghìn tỷ và doanh thu đạt 19,3 nghìn tỷ; tăng lần lượt 20,9% và 33,5% so với cùng kỳ năm 2019, tiếp tục duy trì được chuỗi tăng trưởng doanh thu ấn tượng 20 quý liên tiếp trong bối cảnh nhiều thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 với lợi nhuận trước thuế đạt 10,7 nghìn tỷ, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2019, tương đương 82,4% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế mà Đại hội cổ đông đã thông qua. Lợi nhuận sau thuế đạt 8,6 nghìn tỷ, tăng 20,6% so với mức 7,1 nghìn tỷ của 9 tháng đầu năm 2019. Ngân hàng tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của mình với tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản trong 12 tháng gần nhất đạt 3,0%. Vị thế vốn vững chắc của Ngân hàng thể hiện qua chỉ số CAR theo Basel II đạt mức 16,7%.

Tổng giám đốc Jens Lottner chia sẻ: “Vị thế vốn vững chắc của Techcombank cho phép chúng tôi hỗ trợ khách hàng và vững bước vượt qua thách thức từ môi trường hoạt động năm nay. Khi đánh giá triển vọng cuối năm 2020 và trong tương lai, chúng tôi lạc quan một cách thận trọng rằng tác động của COVID-19 đã qua đỉnh điểm. Thành công được kiểm chứng từ quyết sách sẵn sàng của Chính phủ cùng với kinh nghiệm của các doanh nghiệp cũng như cộng đồng sẽ giúp Techcombank quản trị và giảm thiểu rủi ro nếu một làn sóng COVID-19 nữa xảy đến. Quan trọng hơn hết, các động lực cho tăng trưởng dài hạn vẫn được duy trì ổn định, và Techcombank tiếp tục tập trung thực hiện nhất quán chiến lược và đầu tư vào số hoá để nâng cao trải nghiệm khách hàng”.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết thúc Quý 3/2020, doanh thu (TOI) của Ngân hàng đạt 19,3 nghìn tỷ đồng, tăng 33,5% so với doanh thu 14,4 nghìn tỷ đồng của 9 tháng đầu năm 2019.

Thu nhập lãi thuần (NII) của 9 tháng đầu năm 2020 đạt 13,3 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (NFI) đạt 3,1 nghìn tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2020, tăng trưởng 65,1% so với 9 tháng đầu năm 2019; và chiếm 16,2% tổng doanh thu, cao

hơn mức 13,1% của 9 tháng đầu năm 2019 do có sự đóng góp mạnh mẽ của hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu.

Chi phí hoạt động của 9 tháng đầu năm 2020 là 6,3 nghìn tỷ đồng, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù vậy, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) được cải thiện ở mức 32,8%, so với mức 34,5% cùng kỳ năm ngoái.

Trong Quý 3/2020, Ngân hàng đã tiếp tục chủ động xử lý một số khoản nợ xấu. Chi phí dự phòng của 9 tháng đầu năm 2020 tăng lên mức 2,2 nghìn tỷ đồng so với mức 605 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái, tiếp tục thể hiện sự thận trọng của Ngân hàng trong việc chủ động trích lập dự phòng để xử lý nợ xấu.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng tài sản đạt 401,5 nghìn tỷ đồng vào thời điểm cuối Quý 3 năm 2020, tăng 9,2% so với thời điểm kết thúc Quý 3 năm 2019 và tăng 4,6% so với thời điểm cuối năm 2019. Tổng dư nợ tín dụng của khách hàng tại 30/09/2020 là 279,4 nghìn tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước và 8,3% so với cuối năm 2019.

Tiền gửi khách hàng tại 30/09/2020 là 252,6 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với thời điểm 30/09/2019. Tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 97,5 nghìn tỷ đồng, tăng 22,2% so với thời điểm cuối năm 2019. Trong khi đó, tiền gửi có kỳ hạn đạt 155,1 nghìn tỷ, tăng 2,4% so với cuối năm ngoái, phản ánh sự tập trung của Ngân hàng vào tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn. Nhờ đó, tỷ lệ CASA cuối Quý 3/2020 đạt 38,6%, cao hơn mức 34,5% cuối năm 2019.

THANH KHOẢN VÀ VỐN

Techcombank đã duy trì thanh khoản dồi dào với tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi đạt 71,9% và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung-dài hạn đạt 31,1%, tốt hơn đáng kể so với mức 38,4% vào thời điểm cuối năm 2019.

Ngân hàng cũng duy trì vị thế vốn hàng đầu Việt Nam¹ với tỷ lệ an toàn vốn (CAR) cuối kỳ theo Basel II đạt 16,7%, cao hơn gấp đôi so với yêu cầu tối thiểu của Trụ cột I Basel II (8%) và cao hơn mức 15,5% tại thời điểm cuối năm 2019.

Ghi chú:

1. Theo dữ liệu cập nhật nhất tính đến thời điểm 27/07/2020

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Tại thời điểm 30/09/2020, tỷ lệ nợ xấu được giữ ở mức 0,6%, thấp hơn mức 0,9% tại 30/06/2020 và 1,8% tại 30/09/2019. Tỷ lệ nợ xấu giảm do Ngân hàng đã chủ động xử lý nợ xấu trong 9 tháng đầu năm 2020. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại thời điểm 30/09/2020 là 148,0% so với mức 108,6% tại 30/06/2020 và 77,1% tại 30/09/2019.

SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ CÁC DẤU ÁN KHÁC

Trong 9 tháng đầu năm 2020, Techcombank đã có thêm hơn 760.000 khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng mà Ngân hàng phục vụ lên hơn 8 triệu. Ngân hàng đã tiến hành các biện pháp an toàn để bảo vệ khách hàng và nhân viên, đồng thời vẫn duy trì hoạt động bình thường của tất cả các chi nhánh, cây ATM. Những biện pháp này cùng với vị thế dẫn đầu trong mảng ngân hàng trực tuyến và ngân hàng di động giúp đảm bảo khách hàng luôn được phục vụ tốt nhất trong khoảng thời gian thực hiện giãn cách xã hội vào tháng 4 và sau khi biện pháp giãn cách xã hội được gỡ bỏ. Khối lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện tử của khách hàng cá nhân trong 9 tháng đầu năm 2020 lần lượt đạt 256 triệu giao dịch (tăng 117,2% so với cùng kỳ năm ngoái) và 3,3 triệu tỷ (tăng 84,4% so với cùng kỳ năm ngoái).

Dù trong bối cảnh hoạt động kinh tế và GDP đều tăng trưởng chậm lại trong 2020 do đại dịch COVID-19, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Standard & Poor's (S&P's) vẫn xác nhận mức xếp hạng BB-/Ổn định/B cho Techcombank. S&P's nhấn mạnh rằng mạng lưới cùng khả năng sinh lời và vốn hóa trên mức trung bình ngành là những yếu tố chính để ngân hàng đạt mức xếp hạng như trên. Ngoài ra, nguồn huy động của ngân hàng vẫn sẽ duy trì ổn định nhờ vào thương hiệu tốt và mạng lưới lớn mạnh của Techcombank.

Trước đó, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's vẫn duy trì xếp hạng tín nhiệm của Techcombank với đánh giá tín dụng cơ bản (BCA) ở mức Ba3, phản ánh chất lượng tài sản ổn định, khả năng sinh lời vững chắc và nền tảng vốn mạnh mẽ của Techcombank. Trong số 19 ngân hàng mà Moody's đánh giá tại Việt Nam, Techcombank là ngân hàng duy nhất đạt mức xếp hạng BCA cao nhất và chỉ bị hạn chế bởi mức trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

VỀ TECHCOMBANK

Thành lập năm 1993, Techcombank là một trong những ngân hàng cổ phần lớn nhất tại Việt Nam và là một trong những ngân hàng hàng đầu ở châu Á. Techcombank áp dụng chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm trong việc cung cấp các giải pháp và dịch vụ ngân hàng đa dạng cho gần 8 triệu khách hàng, bao gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua mạng lưới rộng khắp với hơn 300 điểm giao dịch trên toàn quốc cũng như dịch vụ ngân hàng số và ngân hàng di động dẫn đầu thị trường. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong nhiều lĩnh vực kinh tế chủ chốt tạo nên sự khác biệt cho Techcombank tại một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới.

Techcombank được xếp hạng tín dụng ở mức cao nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam với xếp hạng Ba³ từ Moody's và BB⁻³ từ S&P. Ngân hàng đã được FinanceAsia vinh danh “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2020”, đồng thời được The Asian Banker vinh danh là “Ngân hàng cung cấp giải pháp tốt nhất cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam năm 2020”, “Ngân hàng cung cấp sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất Việt Nam năm 2020”. Techcombank được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã giao dịch TCB.

<u>Thông tin báo chí, vui lòng liên hệ:</u> NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY Bộ phận truyền thông đối ngoại Điện thoại: +84 24 3944 6368 – Máy lẻ 8494 Email: thuyntb5@techcombank.com.vn	<u>Thông tin NĐT, vui lòng liên hệ:</u> Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư Email: ir@techcombank.com.vn
---	---

Ghi chú:

- Đánh giá xếp hạng tín dụng cơ bản
- Xếp hạng tín nhiệm dài hạn

Những chỉ số tài chính nổi bật

Bảng cân đối (Tỷ đồng)	3Q20	2Q20	FY19	3Q19	QoQ	YTD
Tổng tài sản	401.462	395.861	383.699	367.538	1,4%	4,6%
Tài sản có rủi ro (RWA) (Basel II)	430.065	408.155	407.330	370.011	5,4%	5,6%
Huy động từ khách hàng	252.572	249.857	231.297	218.655	1,1%	9,2%
Tăng trưởng tín dụng ⁴	8,3%	2,7%	18,8%	12,5%		
Tỷ lệ CASA	38,6%	34,4%	34,5%	30,0%		
Tỷ lệ nợ xấu	0,6%	0,9%	1,3%	1,8%		
Chi phí tín dụng (Tính trên 12 tháng gần nhất)	1,1%	0,8%	0,5%	0,4%		
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	148,0%	108,6%	94,8%	77,1%		

Vốn và thanh khoản	3Q20	2Q20	FY19	3Q19	QoQ	YTD
CAR theo Basel II	16,7%	16,9%	15,5%	16,5%		
Tỷ lệ vốn cấp 1 theo Basel II	16,3%	16,4%	15,2%	15,9%		
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung-dài hạn ⁵	31,1%	25,5%	38,4%	36,1%		
Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi theo NHNN ⁵	71,9%	72,5%	76,3%	70,9%		

Ghi chú:

4. Tăng trưởng tín dụng theo quy định của NHNN

5. Số báo cáo riêng lẻ

Khả năng sinh lời (Tỷ đồng)	3Q20	3Q19	YoY	9M20	9M19	YoY
Thu nhập từ lãi	5.148	3.725	38,2%	13.295	10.354	28,4%
Thu nhập ngoài lãi	2.349	1.634	43,8%	5.985	4.087	46,4%
Tổng thu nhập hoạt động	7.497	5.359	39,9%	19.281	14.441	33,5%
Chi phí hoạt động	(2.489)	(1.794)	38,7%	(6.324)	(4.976)	27,1%
Lợi nhuận trước thuế	3.974	3.199	24,2%	10.711	8.860	20,9%
Tỷ lệ NFI/TOI	15,3%	11,9%		16,2%	13,1%	
Tỷ lệ CIR	33,2%	33,5%		32,8%	34,5%	
Tỷ lệ ROA (Tính trên 12 tháng gần nhất)				3,0%	2,8%	
Tỷ lệ ROE (Tính trên 12 tháng gần nhất)				17,7%	17,2%	
NIM				4,8%	4,2%	
Chi phí vốn				3,6%	4,0%	